

TÁC ĐỘNG CỦA TOÀN CẦU HOÁ VÀ TRÀO LƯU SỐ ĐẾN THƠ MỘT SỐ NHÀ THƠ VIỆT NAM SAU 1986

HOÀNG THỊ HUẾ^{1,*} ĐỖ THỊ XUÂN DUNG²
, PHẠM THỊ THUỶ TRANG³, NGUYỄN HOÀNG NGUYỄN⁴

¹Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế

²Đại học Huế

³Sinh viên, Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế

⁴Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế

*Email: hoangthihue@hueuni.edu.vn

Tóm tắt: Trào lưu số hoá toàn xã hội và xu thế toàn cầu hoá đang diễn ra mạnh mẽ trên toàn thế giới đã ảnh hưởng lớn đến xã hội, văn hoá, văn học Việt Nam. Sử dụng phương pháp phân tích tài liệu định tính, nghiên cứu này nhằm mục đích chỉ rõ các tác động của xã hội số, Internet, toàn cầu hoá đến thơ một số nhà thơ Việt Nam sau 1986, qua từ, câu, ký hiệu ngôn ngữ thơ... Kết quả nghiên cứu cho thấy tác động thể hiện qua sự lai ghép ngôn ngữ, sáng tạo ngôn ngữ mới, sử dụng chêm xen tiếng Anh, từ, tên riêng tiếng nước ngoài..., trong ngôn ngữ thơ tiếng Việt, tạo ra cái mới trong cách diễn đạt. Từ đó đề xuất việc xem xét chấp nhận, mở rộng vốn từ tiếng Việt mới, nhưng cũng cần thiết phải giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt nói chung, thơ nói riêng.

Từ khoá: Chuyển đổi số, thơ Việt Nam, tác động, ngôn ngữ mới, lai ghép.

1. GIỚI THIỆU

Sau 1995, Việt Nam đã tham dự sâu rộng vào quá trình toàn cầu hóa. Năm 1997 được xem là cột mốc đánh dấu kỉ nguyên Internet chính thức được sử dụng ở Việt Nam, với sự hội nhập nhanh, đồng hành cùng thế giới trên mọi lĩnh vực. Với công nghệ số, đời sống kinh tế - chính trị - văn hóa Việt Nam đổi thay từng ngày; một số thói quen thường thấy ở con người đã biến mất hoặc đang bị thay thế, một số thói quen mới hình thành. Sự đổi thay ấy tác động sâu sắc đến đời sống văn hóa/văn học Việt Nam, hình thành một không gian văn hóa/văn học mới: không gian văn hóa/văn học số. Ở nơi ấy, người viết - văn bản - người đọc đều biến đổi sâu sắc. Bối cảnh tiếng Việt nói riêng, bối cảnh ngôn ngữ ở Việt Nam hiện nay nói chung đang chịu tác động của hàng loạt các nhân tố xã hội - ngôn ngữ, như: quá trình toàn cầu hoá; tác động của nền kinh tế thị trường; tác động của khoa học công nghệ trong đó đóng vai trò quan trọng là công nghệ thông tin, chuyển đổi số; Internet và chính sách ngôn ngữ. Ngôn ngữ là các ký hiệu được mã hóa; nó chứa đựng sự thông tin cộng đồng. “Hệ thống ngôn ngữ toàn cầu được kết nối, được liên kết bởi những chính sách đa ngữ, thể hiện qua các nhóm ngôn ngữ khác nhau. Mô hình thứ bậc của những kết nối này tương ứng chặt chẽ với các khía cạnh khác của hệ thống thế giới, chẳng hạn như nền kinh tế toàn cầu và nhóm các quốc gia”. (Herve Delhumeau, 2011). Do tác động của việc số hoá sâu rộng, Internet và bối cảnh toàn cầu

hóa nên tiếng Việt trong sáng tác của một số nhà thơ đương đại khác với tiếng Việt truyền thống. Nó là sự kết hợp của ý thức văn hóa và công nghệ khác nhau. Các nhà thơ đương đại đang cố gắng tạo ra giá trị mới cho ngôn ngữ. Ngôn ngữ của thơ được mã hóa khác nhau tùy thuộc vào tư duy nghệ thuật của người nghệ sĩ. Ý thức cách tân và những đặc điểm riêng trong trào lưu xã hội số đã ảnh hưởng trực tiếp đến việc hình thành ngôn ngữ trong thơ một số nhà thơ đương đại như Inrasara, Trần Tuấn, Đinh Linh, Lê Vĩnh Tài, Lãng Thanh, Phan Huyền Thư, Văn Cầm Hải, Vi Thuỳ Linh, Nguyễn Hữu Hồng Minh, Nguyễn Thuý Hằng, Ly Hoàng Ly, Nguyễn Hoàng Tranh,...

2. NỘI DUNG

2.1. Hiện tượng lai ghép tiếng Anh, tên riêng, từ lai ghép bằng tiếng nước ngoài

Đặc trưng của môi trường truyền thông đa phương thức phát triển trong thập kỷ qua đã tác động làm thay đổi nhiều mặt trong xã hội. Tính chất của đa phương tiện đặt mục tiêu kết hợp giữa nghe và nhìn, khiến những con chữ trở nên sống động, cụ thể hoá qua âm thanh, hình ảnh. Internet phát triển, không gian mạng rộng mở khiến môi trường sáng tạo và tiếp nhận thay đổi cơ bản. Sáng tạo, xuất bản, công chúng, môi trường sinh hoạt thơ được số hoá qua Facebook, Youtube, Instagram, Twitter..., khiến sự tương tác giữa bạn đọc và nghệ sĩ diễn ra nhanh chóng, hiệu quả. Các nhà thơ đương đại đang cố gắng “tạo ra một giá trị mới cho ngôn ngữ”. Thực tiễn bối cảnh toàn cầu hóa, và chủ trương chuyển đổi số toàn xã hội ở Việt Nam hiện nay, đã tạo điều kiện cho các ngôn ngữ, đặc biệt là tiếng Anh, tên riêng, từ lai ghép bằng tiếng nước ngoài, các phương ngữ địa lý, xã hội đan xen, giao thoa với nhau, tạo nên sự đa dạng và phức tạp cho tiếng Việt trong thơ ca. Có thể nhận thấy trong thơ Việt đầu thế kỉ XXI đã xuất hiện kiểu ngôn ngữ có những đặc điểm cơ bản như (1) Thay đổi mạnh mẽ theo bối cảnh toàn cầu hóa, số hóa, (2) tạo ra một tiếng Việt hiện đại, phát triển năng động, đầy sức sống, xuất hiện nhiều phương ngữ mới của nhiều nhóm xã hội, phản ánh lối sống và tư duy trong thời đại mới, (3) đặt ra những yêu cầu cấp bách về lý luận và thực tiễn trong công cuộc chuẩn hóa tiếng Việt. Do giới hạn bài báo, chúng tôi chỉ khảo sát ngôn ngữ thơ một số nhà thơ tiêu biểu, và có thể thấy các hình thức tiêu biểu của ngôn ngữ thơ chịu tác động của toàn cầu hoá và trào lưu số: (1) Lai ghép tiếng Anh vào lời nói tiếng Việt, tên riêng, từ lai ghép bằng tiếng nước ngoài; (2) sử dụng từ mới, lạ, sử dụng tiếng lóng.

Năm 1986, nhà nước áp dụng chính sách đổi mới, đánh dấu một mốc quan trọng trong lịch sử hiện đại của dân tộc. Các hình thức văn học được số hoá đã xuất hiện và dần dần thay thế phương thức sáng tác văn học truyền thống trước đây. Kết quả là, một nền văn học sôi động đã phát triển ở Việt Nam trong thập kỷ qua và làm thay đổi cách thức nhận thức, sản xuất, phân phối và tiêu dùng văn học. (Dana Healy, 2013).

Tiếng Anh là công cụ giao tiếp thông dụng, phổ biến trên phạm vi toàn cầu. Cùng với quá trình toàn cầu hóa và chính sách giáo dục ngoại ngữ, khả năng đa ngữ, đặc biệt là Anh ngữ của các thành viên trong xã hội, nhất là tầng lớp trí thức ngày càng được nâng cao. Hệ quả là tiếng Việt cũng như nhiều ngôn ngữ khác trên thế giới chứng kiến sự di chuyển mạnh mẽ của các đơn vị từ vựng tiếng Anh vào vốn từ vựng bản địa. Với ngôn ngữ thơ Việt đương đại, có các dạng xuất hiện của từ ngữ tiếng Anh, tên riêng, từ lai

ghép bằng tiếng nước ngoài, trong tiếng Việt: viết đúng theo hình thức chuẩn tiếng Anh; viết theo cách phỏng âm của người Việt, lai ghép sáng tạo từ mới theo hình thức khác tiếng Việt. Trong đó, hình thức lai ghép chuẩn tiếng Anh trong tiếng Việt chiếm số lượng lớn. Nhà thơ Dương Tường đã đặt tên cho hàng chục bài thơ của mình bằng tiếng nước ngoài, sử dụng rất nhiều từ trong bài thơ là tiếng nước ngoài, những chữ cấu trúc theo khác, lạ được dùng lẫn với tiếng Việt (Serenat, Bella, Noel, Wagner, rhapsodie trên một chủ đề trần dần.... (Thơ Dương Tường, 2005). Có thể nhận rằng, Internet là phương tiện hỗ trợ đổi mới ngôn ngữ hữu hiệu nhất trong thời đại toàn cầu hóa. Nhà thơ thoát khỏi mọi ám ảnh kiểm duyệt hay tâm lý tự kiểm duyệt từng từ nín và thao túng họ suốt ba mươi năm: “No man’s land.../ Amen” (Noel – Dương Tường); “Chỉ ngăn ngủi thế sao/ Only you?/ Chỉ có em làm nên sự sống.../ Chỉ ngăn ngủi thế sao?/ Only you!/ Em đến và đi/ Only you!” (Trên bờ - Nguyễn Hữu Hồng Minh); “Trái tim con nghiêng giấc ngủ về phía mặt trời/ Đất mẹ ơi, có nhận ra con đang say sưa hát theo khúc ca của/ Rabindranath Tagore” (Lãng Thanh - Thư pháp), hay “Cô công nhân thợ may dễ xót xa trước cú ngã của Cantona.../ số trung bình 40 chứng khoán ngành phục vụ công cộng Standard & Poor;/ Và cả lý thuyết Markowitz./ Còn niềm ưa thích của tôi là ăn món ốc biển, món tinh thần baroque” (Từ chiếc vỏ ốc biển đến thị trường chứng khoán - Lãng Thanh), một ngày mai tinh khôi vân tay/ một ngày thơ cô đơn rực rỡ mai San Francisco” (hoe chân trời - Văn Cầm Hải).

Chính sự thay đổi của đời sống số, con người chịu tác động của không gian số hoá qua Internet, thời kỳ tự xuất bản, tính dân chủ, cùng với ý thức cách tân, nhân quan ngôn ngữ mới của người viết đã tạo nên những thay đổi đáng kể trong ngôn ngữ thơ Việt Nam đương đại.

Có thể thấy mức độ xuất hiện của từ tiếng Anh trong thơ Việt là khá nhiều: “Venise in ViLi” (Vi Thùy Linh – Venice in Vili). Phần thứ hai của tập thơ *Họ - bột hư ảo* (Nguyễn Thuý Hằng), có tên chung là *Xanh Blue Gray No 938*, cái tên mà tính ký hiệu rõ như ban ngày, người đọc sẽ thấy có một chỉ dẫn khó mà hiểu sai ở bài có tên *Màu điên xám xanh*, qua một loạt những từ ngữ như *màu bột, bề mặt, kết cấu, dầu thông*, và lời chú thích cuối bài là: *cho thời kỳ blue gray*, những từ ngữ đủ biểu thị tính tập hợp chuyên biệt để nhận ra một từ vựng mang màu sắc hội họa bằng tiếng Anh.

Ở dạng thứ 2, ngôn ngữ thơ Việt Nam đương đại được viết theo hình thức phỏng âm. Các từ ngữ tiếng Anh được viết theo cách phát âm của người Việt, tạo thành những từ tuy có nguồn gốc tiếng Anh nhưng lại sai khác về hình thức chữ viết so với từ gốc, hoặc có những sáng tạo khác hẳn, như: “có một đêm Lhasa/ lần đầu tiên Akasadhatesvari vẩy máu chia lí/ của làn sóng không tưởng đồ ối một góc trời.../ em hiền như solenzara nhưng nóng bỏng vân tay Omar Khorshid/.../đang cũng mềm như solenzara”. (*Solenzara & Thanh Niên Cao Vọng Đảng* - Văn Cầm Hải); “...Ba chiếc ham bơ gơ/ Buồn chiếc ham bơ gơ/ Vui chiếc ham bơ gơ/ Chán chiếc ham bơ gơ (Performance ham bơ gơ - Ly Hoàng Ly), hoặc: “Fasten seat belt while seated/ Nhớ đến giấc mơ của nhân loại/ Ước làm chim/ Sải cánh bay... (Bay – Ly Hoàng Ly). Các từ tiếng Anh cũng thường được dùng theo dạng âm tiết hóa theo ngữ âm tiếng Việt. Bàn về hình thức ngữ âm của tên riêng nước ngoài trong tiếng Việt, Cao Xuân Hạo (1996)

trong bài viết “Về cách viết và cách đọc các tên riêng nước ngoài trên văn bản tiếng Việt” đã nhận định: “Trong sinh hoạt văn hóa của một nước văn minh ngày nay, chữ viết quan trọng hơn cách phát âm rất nhiều... Tên riêng của người không phải là những từ của tiếng Việt, người Việt không cần phải đọc cho đúng những tên ấy, chỉ cần biết cách viết và đọc bằng mắt là đủ” (Cao Xuân Hạo, 2003). Quan điểm này của Cao Xuân Hạo cũng phù hợp với tinh thần quyết định năm 1984 của Bộ Giáo dục về luật chính tả tiếng Việt, đối với tên riêng nước ngoài, cần phải viết đúng nguyên dạng hình thức chữ viết nếu bản ngữ dùng chữ La tinh. Từ *ham bơ gơ* trong từ *Performance ham bơ gơ* được viết thành từ Việt hoá trong đơn vị mới, nhưng khi đọc thì lại xuất hiện dưới dạng gần chuẩn trong phát âm của Tiếng Anh. Những bài thơ của Ly Hoàng Ly như *Người đàn bà và căn nhà cổ*, *Thuật ướp xác*, *Performance ham bơ gơ*, *Ấn xin hạnh phúc*, *Performance trúng*, *Hành xác và thử nghiệm*, *Performance photo*, *Khắc hoạ*,... đều chêm xen các từ vừa tiếng Anh vừa Việt hoá tiếng Anh, từ mang hình thức sáng tạo mới, hoặc dùng tên riêng người nước ngoài. “Nhánh thạch thảo “*huong thời gian*” (***) trĩu nặng. Apollinaire lời vĩnh biệt u buồn. Lá và lá cứ rơi rơi mãi. Em và ta vàng rực nổi cô đơn...” (*Thu Apollinaire*, Trần Tuấn). Đa số hiện tượng này đều xuất phát từ nhu cầu cách tân của các nhà thơ Việt Nam đương đại, trong bối cảnh xã hội số hoá trên mọi phương diện. Âm tiết *night* trong *goodnight* được phiên âm thành số 9, âm tiết *file* trong *profile* được viết tắt thành số 5 dù cách phát âm các âm tiết này hoàn toàn khác nhau trong tiếng Anh.

Phụ âm cuối là một nét khu biệt đặc trưng trong tiếng Anh. Nhưng đối với thói quen phát âm của người Việt, nét đặc trưng khu biệt này thường bị lược bỏ. Thói quen ngữ âm này khiến cho các nhà thơ tìm thấy sự giống nhau trong các âm tiết trên. Hiện tượng viết tắt phỏng âm như thế này xuất phát từ cách phát âm lệch chuẩn của người Việt. Tiếng nước ngoài xâm lấn ào ạt, không ngoặc kép, cũng không giải thích. Hiện tượng này xuất hiện để thể hiện một ý thức khác trong lòng tiếng Việt. Với các nhà thơ sau 1986, đặc biệt ở Dương Tường, Đặng Thân sử dụng tiếng nước ngoài không phải chỉ là tăng cường tính thông tin, phản ánh đời sống đa nhịp điệu mà gắn liền với một tư duy mới về sử dụng ngôn ngữ và một ý thức mới về đa dạng văn hóa. Viết, với các thi nhân, đã trở thành một trò chơi ngôn ngữ.

2.2. Thơ Việt Nam đương đại và hình thức sáng tạo từ mới, tiếng lóng

Đây là cách thức nhà thơ sử dụng những vật liệu và phương thức tạo từ vốn có của tiếng Việt để tạo nên từ ngữ mới, tiếng lóng... chưa có trong tiếng Việt toàn dân, hoặc tạo ra những từ mới bằng cách lắp ghép các từ khác nhau. Sáng tạo này xuất hiện nhiều trong ngôn ngữ của thời kỹ thuật số, môi trường Internet, chat, facebook, email... như một thách thức, một phản ứng táo bạo đối với tiếng Việt truyền thống và là một ý thức mới trong sáng tạo ngôn ngữ mang đặc trưng văn hoá thời xã hội số. Có thể kể đến các nhà thơ hậu hiện đại như Inrasara, Trần Tuấn, Đinh Linh..., họ có *thơ photo* và *thơ video*, *thơ thị giác*...vv. Nghĩa là nhà thơ hậu hiện đại không từ chối hay chống lại mà tận dụng mọi lợi thế của khoa học kỹ thuật, của kỹ thuật số, để làm thơ. Những đơn vị tiếng lóng mới được sáng tạo như: *phượt*, *quẩy*, *cạ cứng*, *bựa*, *dừ*, *xõa*, *ngáo*. Số lượng những từ lóng mới nguyên này xuất hiện trong thơ Vi Thùy Linh: *Đôi bàn tay quẩy lòng hồ trinh*

tình (Vi Thùy Linh – *Teressa*),... Hay những sáng tạo mới ngôn ngữ, làm mới các cấu trúc ngôn ngữ trong thơ Trần Tuấn: “Kỳ cọ rề / Thiên di đất/ Vọng gieo lá/ Tuốt ngón mùa” (Ngón mùa - Trần Tuấn). Tiếng Việt trong sáng tác của một số nhà thơ đương đại khác biệt với tiếng Việt truyền thống, do ảnh hưởng của không gian mạng. Đó là sự lai ghép các ý thức, văn hóa và kỹ thuật khác biệt mang tính chất toàn cầu hóa. Tính “đa ngữ” đã không còn nằm trong những “căn phòng riêng” biệt lập. Nó luôn va chạm, tương tác, đối thoại bên trong chủ thể lựa chọn - sáng tạo ngôn ngữ. Tìm tòi ngôn ngữ biểu đạt khác nhằm tìm lại cái tôi đã mất hoặc kiến tạo bản sắc cá nhân khác biệt, như một chuẩn thẩm mỹ mới, là đặc trưng của các hình thức biểu đạt văn hóa/văn học Việt Nam trong kỉ nguyên số. Nguyễn Hoàng Tranh với thơ thị giác *visual poetry*, đã kết hợp ngôn ngữ và hình ảnh: “hóa trang từ đất thân đen/ đôi bồ câu bay qua múi giờ 90°+/ bầy khi bên kia sông đổ sầm xuống đêm mờ vục/ bossa nova:/ cành hồng.” (Nguyễn Hoàng Tranh, “Đêm Dị Giáo: Từ Bossa Nova Đến HN-T”, *Thơ*, 2003). Những ngôn ngữ giàu tính chất thị giác, hội họa này tạo ra những cách liên tưởng độc đáo, khác hẳn lối tiếp nhận thơ từ nghĩa đến nghĩa thông thường. Phan Huyền Thư cũng dùng nhiều từ ngữ mang màu sắc phái tính, chỉ thấy ở cách nói của riêng người nữ: “Câu thơ gỡ nút áo/ - Cái liếm môi quy hoạch” (Tự nguyện - Phan Huyền Thư), hay: “hè đồng tính lang thang/ Giác ngủ bóng đèn”... Nguyễn Hữu Hồng Minh sử dụng rất nhiều những từ ngữ lạ để định nghĩa về thơ, về cái Tôi, về sự viết của mình: *Via từ xanh ánh tâm hồn/ Từ già. Từ quá đất. Từ hết hạn sử dụng. Từ hết size. Từ hết sí-quách, - Anh tìm ra Từ từ anh. Anh chết gục từ từ...*

Những kết cấu mới lạ này phản ánh một cách sinh động và trực tiếp nhất đặc điểm tác động của không gian số đến ngôn ngữ thơ Việt Nam đương đại, vừa đa dạng, phức tạp, đầy biến động lại vừa hóm hỉnh, dí dỏm, hài hước, thể hiện cảm quan của con người thời nhịp sống số, đọc nhanh, nhiều, tư duy cắt dán, nhanh, chớp, xoẹt, mới lạ, không theo đường mòn lối cũ. Đây cũng là vấn đề được bàn cãi nhiều nhất, gây ra nhiều tranh luận trái chiều nhất trong các hình thức biểu hiện của ngôn ngữ. Trên cơ sở từ ngữ có sẵn của tiếng Việt, nhà thơ đã biến đổi chúng theo nhiều cách (ngữ âm, ngữ nghĩa, phạm vi sử dụng), để có những từ ngữ lóng riêng của nhóm mình. Tiếng lóng thuộc nhóm này chính là hiện tượng biến âm, biến nghĩa của từ vựng toàn dân. Nguyễn Hữu Hồng Minh đưa ra nhiều định nghĩa: “- Tôi không tuyên ngôn trong thơ. Tôi chỉ tuyên từ trong thơ/ - Tôi, trực chữ bị xoáy mòn/ - Tôi xoay vùn trên các mẫu tự. Phơi trắng bụng/ - Minh 8M: - Mong manh, Mòn mỏi, Ma mi, Mơ mộng” (Nguyễn Hữu Hồng Minh - *Via từ*). Điều này ta cũng đã thấy xuất hiện trong thơ của Hoàng Cầm như: “Giếng ngọc ễnh ương quát đêm tiền sử/ l..i...m...m/ ứ...!/ l..i...m...m/ ứ...!” (Hoàng Cầm - *Gió lông ngỗng*). Vi Thùy Linh cũng đã xây dựng một hệ thống từ xưng danh: “hoa Thùy Linh, hoa linh, đêm giao linh, Linh, đóa Linh mẫu đơn, ngọn phồn linh, thành Linh,...” là những từ mới định nghĩa thế giới khách quan qua lăng kính nội cảm, cảm quan nghệ thuật và ý thức khẳng định và đào sâu cái tôi bản thể của tác giả. Với Văn Cầm Hải, ngôn ngữ thơ anh dường như có vẻ “hiền lành” hơn, nhưng vẫn là một thứ ngôn ngữ lạ, không theo quy tắc ngữ nghĩa thông thường, có những kết hợp lạ: “Đáy lòng đất rạn vỡ hơn ban ngày/ anh chiều em như chiếc nhẫn ôm tay / máu đắp bồi và ánh sáng chấp

cánh trên vai/ - lũ ruồi đòi làm cột thu lôi /- mặt trời bệnh hoạn / ánh sáng cong queo rơi xuống đầu ngọn gió / tôi trở thành nhục thể của ngạc nhiên”. Quá trình số hóa toàn xã hội và truyền thông tin chóng mặt trên Internet, nơi bất kì cá nhân nào cũng có khả năng tự biến mình thành một cơ quan xuất bản và truyền thông, cho phép xóa bỏ mọi rào cản và mọi giới hạn về kiểm duyệt, là nơi của sự tự do trong truyền bá tác phẩm và tính dân chủ, tính đại chúng trong thưởng thức văn học. Bằng một ý thức ngôn ngữ mới, việc phá vỡ tính khuôn định trong cách sử dụng ngôn từ; ngôn ngữ mục thước, trang trọng không còn là mặc định. Ngôn ngữ thơ đương đại gần đây đã trở nên linh hoạt với sự biến hoá của các lớp từ vựng, cấu trúc cú pháp, ngữ đoạn. Hệ lời mà các nhà thơ đương đại sử dụng, xét cho cùng vẫn là một thứ ngôn ngữ tạo sinh, luôn mới và phát triển. Ngôn ngữ thơ đương đại từ những tác động của trào lưu chuyển đổi số, là một thứ ngôn ngữ mang tính thể nghiệm cao, có xu hướng hủy từ, kiệm lời và chấp nhận tất cả mọi từ ngữ, không phân biệt từ tục, từ thanh, ngôn ngữ đời sống thế nào thì đi vào thơ ca như thế ấy. Vì thế, ngôn ngữ phi chuẩn, ngôn ngữ không có trong từ điển, không theo ngữ nghĩa thông thường được sử dụng với mật độ nhiều hơn, và nó đang dần xác lập được tiếng nói bình đẳng với thứ ngôn ngữ đã được chuẩn hóa theo quan niệm của xã hội. Lai ghép tiếng Anh, sáng tạo từ mới, tiếng lóng... chỉ là một số trường hợp phổ biến của tác động xã hội số đến ngôn ngữ, mà trên đây đã khảo sát. Vậy, nhìn nhận đánh giá thế nào về hiện tượng này, giải pháp cho nó là gì? Vinity Vaish cung cấp dữ liệu từ hai quốc gia nơi tác giả thực hiện nghiên cứu là Ấn Độ và Singapore, Vinity Vaish đã thống kê thành một bản tóm tắt hữu ích về hệ sinh thái ngôn ngữ bị đe dọa trên toàn cầu và cuối cùng là sự ảnh hưởng của Internet. (Vinity Vaish, 2010).

Có thể thấy, việc dùng ngôn ngữ do ảnh hưởng của Internet, xã hội số như sử dụng dao hai lưỡi. Nó có thể mang lại hiệu quả nhất định trong thời gian ngắn, trong bối cảnh và nhóm xã hội nhất định, nhưng cũng có thể mang đến tác hại lâu dài. Vì vậy cách thức để vừa phát huy những lợi thế của nó và hạn chế như thế nào để giữ gìn bản sắc ngôn ngữ dân tộc là vấn đề cần quan tâm. Con người hiện đại, trong một xã hội toàn cầu hóa, tìm thấy trong sáng tạo nghệ thuật sự tương thích để dung hòa những suy nghĩ của mình. Ngôn ngữ thơ trẻ cần được xem là sự biến tấu trong nhiều biến thể khác nhau của ngôn ngữ, thể hiện sự phát triển sinh động, đa dạng, tất yếu của tiếng Việt trong bối cảnh mới. Trong quá trình phát triển, tất nhiên những hiện tượng nào không đạt tính thẩm mỹ, giao tiếp kém hiệu quả thì tất yếu sẽ bị đào thải và lãng quên. Những hình thức mới, được cộng đồng đón nhận rộng rãi sẽ trở thành tài sản chung của tiếng mẹ đẻ, làm cho tiếng Việt ngày càng đẹp hơn, hiện đại hơn. “Vì tất cả những điều đó, nhiều nhà khoa học đã thống nhất mục đích và quan điểm thể hiện sự đánh giá cao vai trò trung tâm của ngôn ngữ vừa là phương tiện, vừa là trung gian của các quá trình giáo dục và nhu cầu nghiên cứu sâu hơn về nguy cơ đánh mất bản sắc văn hóa dân tộc trong quá trình toàn cầu hóa” (Brian V. Street, 2008).

3. KẾT LUẬN

Văn hóa là bối cảnh và điều kiện hình thành ngôn ngữ, quyết định âm sắc, âm điệu của mỗi ngôn ngữ. “Nowadays, the trend of globalization and international economic integration is overwhelming on a large scale. Along with the stormy development of

modern science and technology revolution and global information network, the world seems to become “smaller” (Hue. H.T, 2020). Bối cảnh không gian số là bối cảnh chung của mọi quốc gia trên thế giới. Không gian số có nguy cơ làm mất đi bản sắc văn hóa của dân tộc. Sự khác biệt về ngôn ngữ / văn hóa của mỗi dân tộc sẽ có nguy cơ bị mai một. Hiện tượng đa ngữ, lai tạp ngôn ngữ và hình thành ngôn ngữ mới của tiếng Việt khá phổ biến trong xã hội đương đại. Vấn đề dung hoà giữa ngôn ngữ đa dạng trong bối cảnh không gian số, nhưng vẫn giữ gìn, bảo tồn và phát huy sự trong sáng của tiếng Việt là vấn đề cần được quan tâm. Ngôn ngữ thơ Việt Nam đương đại chứa đựng những yếu tố có ý nghĩa đối với sự tương tác, đứt gãy, rạn nứt và tiếp biến văn hóa, trong hình thái của một hệ giá trị mới tương thích với thời đại, đồng thời chỉ ra sự chênh lệch của hệ giá trị cũ. "Một nền văn hóa rất có thể sản sinh ra những gì sẽ làm suy yếu chính nó" (Edgar Morin, 2008). Đây là một số thực tiễn cần phải lưu ý trong công tác chuẩn hóa ngôn ngữ và giáo dục trong thời kỳ mới. Nghiên cứu này cũng góp phần làm sáng tỏ thêm những vấn đề thực tiễn về ngôn ngữ thơ trẻ Việt Nam đương đại, xác định, miêu tả và lý giải ngôn ngữ thơ trẻ như một biến thể ngôn ngữ được hình thành dưới tác động của chuyển đổi số, công nghệ số đến các hoạt động sáng tạo và tiếp nhận thơ Việt Nam. Người nghiên cứu, hoạch định chính sách ngôn ngữ, cần nhận biết những phương ngữ xã hội sinh động, thường nảy sinh trong thực tiễn hoạt động để có thể hoàn thiện và đổi mới chuẩn ngôn ngữ một cách kịp thời và phù hợp.

* Nghiên cứu này được tài trợ bởi: Trường Đại học Sư Phạm, Đại học Huế, Mã số đề tài: T.21 – NV. SV – 01 và Đại học Huế, Mã số đề tài: NCM. DHH.2021.09.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Anatoli, A.S. (1996). *Vietnamese culture and literature in the doi moi years (1986-1996)*, <http://www.talawas.org>.
- [2] Barthes, R. (1972). Writing Degree Zero, *Unitarian Universalist Association*, 10-14, <https://www.are.na/block/597852>
- [3] Brian, V.S., & Nancy, H.H. (2008). *Encyclopedia of Language and Education*, Springer Science+Business Media, LLC. New York, NY 10013, USA.
- [4] Đảng Cộng sản Việt Nam (2006). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*. NXB Chính trị Quốc gia.
- [5] Dana, H. (2013). New voice: Socio – cultural trajectories of Vietnamese literature in the 21st century. *Asian and African Studies*, 22(1), 6-8, https://www.sav.sk/journals/uploads/112415411_Healey.pdf
- [6] Hao, C.X. (2003). *Tiếng Việt - những vấn đề về ngữ âm, ngữ pháp, ngữ nghĩa*. NXB Giáo dục, 162- 163.
- [7] Herve, D. (2011). Language and Globalization. hdlhumeau.wordpress.com/2011/07/22/language-and-globalization/
- [8] Hue, T.H., & Nguyen, N.H. (2020). Traditional Culture in Contemporary Vietnamese Poetry: A Perspective from Nie Zhen- zhao’s Ethical Literary Criticism, *Interdisciplinary Studies of Literature*, 4(1), 62 -73. 67.
- [9] Hue, H.T. (2017). Identify of Vietnamese Traditional Culture Through Contemporary Literature. *Journal of Intensive Studies on Language, Literature, Art, and Culture*,

- 1(2), <http://journal2.um.ac.id/index.php/jisllac>
- [10] Karla, A., & Kathleen, R.W. (Edit). (2001). *Beyond nature writing: expanding the boundaries of ecocriticism*. The University Press of Virginia, USA. https://books.google.com.vn/books?id=TcFRDqxVtr0C&printsec=frontcover&hl=vi&source=gbs_ge_summary_r&cad=0#v=onepage&q&f=false
- [11] Morin, E. (2008). *Phương pháp 4, tư tưởng*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, 56-65-73-274.
- [12] Trang, Đ.T. (2008). *Ngôn ngữ giới trẻ thông qua các phương tiện truyền thông*. Luận án Tiến sĩ, Đại học Huế.
- [13] Vinity, V. (Edit). (2010). *Globalization of Language and Culture in Asia: The Impact of Globalization processes on language*. Continuum International publishing Group, London, 7- 10.
- [14] Susan (2002). The Aesthetics of Silence (1967) in: *Styles of Radical Will*. Picador, 17-20. <http://www.ubu.com/aspen/aspen5and6/threeEssays.html#sonntag>.

Title: IMPACTS OF GLOBALIZATION AND CONTEXT OF DIGITAL TRANSFORMATION TO VIETNAMESE CONTEMPORARY POETRY AFTER 1986

Abstract: The trend of digitalization of the whole society and the trend of globalization is taking place strongly all over the world, which has greatly influenced Vietnamese society, culture and literature. Using qualitative document analysis method, this study aims to point out the impacts of digital society, Internet, globalization on the poetry of some Vietnamese poets after 1986, through words, sentences, symbols poetic language... Research results show that the impact is expressed through language hybridization, creation of new languages, use of interspersed use of English, foreign words, proper names, etc., in poetic language. Vietnamese, creating something new in expression. From there, it is proposed to consider accepting and expanding the new Vietnamese vocabulary, but it is also necessary to preserve the purity of Vietnamese in general and poetry in particular.

Keywords: Digital transformation, Vietnamese poetry, impact, new language, hybrid.